

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI  
TRƯỜNG MẦM NON AN PHÚ

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG MẦM NON AN PHÚ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

| TT | Họ và tên                    | Chức danh,<br>chức vụ                     | Nhiệm vụ                 | Chữ ký |
|----|------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|--------|
| 1  | Bà Lê Kim Tuyền              | Hiệu trưởng                               | Chủ tịch<br>Hội đồng     |        |
| 2  | Bà Nguyễn Thị Kim<br>Thủy    | Phó Hiệu trưởng                           | Phó Chủ tịch<br>Hội đồng |        |
| 3  | Ông Đặng Hồ Hải              | Văn Thư                                   | Thư ký<br>Hội đồng       |        |
| 4  | Bà Hồ Thị Kim Ngân           | Chủ tịch Công đoàn                        | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 5  | Bà Nguyễn Thị Hương<br>Giang | Bí thư Chi đoàn                           | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 6  | Bà Trần Thị Kiều Duyên       | Trưởng ban TTND                           | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 7  | Bà Nguyễn Ngọc Lanh          | Kế toán                                   | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 8  | Bà Lê Thị Bạch Mai           | Tổ trưởng chuyên môn<br>mẫu giáo 3-4 tuổi | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 9  | Bà Phan Thị Thanh Hoa        | Tổ trưởng chuyên môn<br>mẫu giáo 4-5 tuổi | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 10 | Bà Phạm Thị Lý               | Tổ trưởng chuyên môn<br>mẫu giáo 5-6 tuổi | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 11 | Bà Nguyễn Thị Yến Nhi        | Nhân viên y tế                            | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 12 | Bà Nguyễn Thị Phương         | Giáo viên                                 | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 13 | Bà Nguyễn Đặng Kim<br>Tuyền  | Giáo viên                                 | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 14 | Bà Lý Thanh Thúy             | Giáo viên                                 | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                      | Trang |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Mục lục                                                                                       | 1     |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                             | 3     |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                  | 5     |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                   | 12    |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                          | 12    |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                         | 15    |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                            | 15    |
| Mở đầu                                                                                        | 15    |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường                      | 15    |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các Hội đồng khác | 18    |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường   | 19    |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng                     | 22    |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo                                                | 25    |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản                                        | 27    |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên                                          | 30    |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục                                                  | 32    |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở                                                 | 34    |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học                                    | 36    |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>                                                               | 38    |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b>                                     | 40    |
| Mở đầu                                                                                        | 40    |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng                                            | 40    |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên                                                               | 43    |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên                                                               | 46    |

|                                                                                                               |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>                                                                               | 48 |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                                       | 48 |
| Mở đầu                                                                                                        | 48 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn                                                               | 49 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập                                 | 51 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị                                                                | 53 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn                                                                           | 56 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi                                                                      | 58 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước                                                            | 60 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>                                                                               | 63 |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>                                              | 64 |
| Mở đầu                                                                                                        | 64 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ                                                                         | 65 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường; | 67 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>                                                                               | 70 |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>                                  | 70 |
| Mở đầu                                                                                                        | 70 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non                                                         | 71 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ                                          | 74 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe                                                         | 77 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục                                                                                | 80 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>                                                                               | 84 |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                               | 86 |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>                                                                                       | 1  |
| Danh mục mã minh chứng                                                                                        | 1  |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.2            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 1.3            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.4            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.5            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.6            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.7            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 1.8            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 1.9            |           | X     | X     | -     |
| Tiêu chí 1.10           |           | X     | X     | -     |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 2.2            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 2.3            |           | X     | X     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 3.2            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 3.3            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 3.4            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 3.5            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 3.6            |           | X     | X     | -     |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 4.1            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 4.2            |           | X     | X     |       |

|                     |  |   |   |   |
|---------------------|--|---|---|---|
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> |  |   |   |   |
| Tiêu chí 5.1        |  | X | X |   |
| Tiêu chí 5.2        |  | X | X |   |
| Tiêu chí 5.3        |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.4        |  | X | X | X |

**Kết quả:** đạt Mức 2

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức2.

**Phần I**  
**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Mầm non An Phú

Tên trước đây: không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi

|                                                  |                       |                                |                                                                               |
|--------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương             | Thành phố Hồ Chí Minh | Họ và tên hiệu trưởng          | Lê Kim Tuyền                                                                  |
| Huyện/quận /thị xã/thành phố                     | Củ Chi                | Điện thoại                     | 0283.7941.157<br>0984557838                                                   |
| Xã/phường/thị trấn                               | An Phú                | Fax                            | Không                                                                         |
| Đạt CQG                                          | Không                 | Website                        | <a href="https://mnanphucuchi.hcm.edu.vn">https://mnanphucuchi.hcm.edu.vn</a> |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1996                  | Số điểm trường                 | 01                                                                            |
| Công lập                                         | Có                    | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn   | Không                                                                         |
| Tư thực                                          | Không                 | Trường liên kết với nước ngoài | Không                                                                         |
| Dân lập                                          | Không                 | Loại hình khác                 | Không                                                                         |

## 1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

| Số nhóm, lớp                      | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Năm học<br>2022-2023 |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Nhóm trẻ từ 3 - 12 tháng tuổi     | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| Nhóm trẻ từ 13 - 24 tháng tuổi    | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| Nhóm trẻ từ 25 - 36 tháng tuổi    | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| Số lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi        | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   | 03                   |
| Số lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi        | 04                   | 04                   | 04                   | 04                   | 04                   |
| Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi        | 04                   | 04                   | 04                   | 05                   | 05                   |
| Lớp ghép 3 tuổi – 4 tuổi          | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| Lớp ghép 4 tuổi – 5 tuổi          | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| Lớp ghép 3 tuổi – 5 tuổi          | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| Lớp ghép 3 tuổi – 4 tuổi – 5 tuổi | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| <b>Cộng</b>                       | 10                   | 10                   | 10                   | 11                   | 12                   |

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT | Số liệu                         | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Năm học<br>2022-2023 | Ghi chú |
|----|---------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------|
| I  | <b>Khối phòng nhóm trẻ, lớp</b> | 12                   | 12                   | 12                   | 12                   | 12                   |         |

| TT         | Số liệu                                               | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Năm học<br>2022-2023 | Ghi<br>chú |
|------------|-------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
|            | <b>mẫu<br/>giáo</b>                                   |                      |                      |                      |                      |                      |            |
| 1          | Phòng<br>kiên cố                                      | 12                   | 12                   | 12                   | 12                   | 12                   |            |
| 2          | Phòng<br>bán kiên<br>cố                               | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |            |
| 3          | Phòng<br>tạm                                          | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |            |
| <b>II</b>  | <b>Khối<br/>phòng<br/>phục vụ<br/>học tập</b>         | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   |            |
| 1          | Phòng<br>kiên cố                                      | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   | 02                   |            |
| 2          | Phòng<br>bán kiên<br>cố                               | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |            |
| 3          | Phòng<br>tạm                                          | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |            |
| <b>III</b> | <b>Khối<br/>phòng<br/>hành<br/>chính<br/>quản trị</b> | 05                   | 05                   | 05                   | 05                   | 05                   |            |
| 1          | Phòng<br>kiên cố                                      | 05                   | 05                   | 05                   | 05                   | 05                   |            |
| 2          | Phòng<br>bán kiên<br>cố                               | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |            |
| 3          | Phòng<br>tạm                                          | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |            |
| <b>IV</b>  | <b>Khối<br/>phòng<br/>tổ chức<br/>ăn</b>              | 01                   | 01                   | 01                   | 01                   | 01                   |            |
| 1          | Phòng<br>kiên cố                                      | 01                   | 01                   | 01                   | 01                   | 01                   |            |
| 2          | Phòng<br>bán kiên<br>cố                               | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |            |

| TT | Số liệu                                                        | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Năm học<br>2022-2023 | Ghi<br>chú |
|----|----------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| 3  | Phòng<br>tạm                                                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |            |
| V  | Các<br>công<br>trình,<br>khối<br>phòng<br>chức<br>năng<br>khác | 03                   | 03                   | 03                   | 03                   | 03                   |            |
| 1  | Phòng<br>kiên cố                                               | 03                   | 03                   | 03                   | 03                   | 03                   |            |
| 2  | Phòng<br>bán kiên<br>cố                                        | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |            |
| 3  | Phòng<br>tạm                                                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |            |
|    | <b>Cộng</b>                                                    | 23                   | 23                   | 23                   | 23                   | 23                   |            |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (tháng 12 năm 2023):

|                 | Tổng<br>số | Nữ | Dân<br>tộc | Trình độ đào tạo |               |                   | Ghi chú |
|-----------------|------------|----|------------|------------------|---------------|-------------------|---------|
|                 |            |    |            | Đạt<br>chuẩn     | Trên<br>chuẩn | Chưa đạt<br>chuẩn |         |
| Hiệu trưởng     | 01         | 01 | 00         | 00               | 01            | 00                |         |
| Phó hiệu trưởng | 01         | 01 | 00         | 00               | 01            | 00                |         |
| Giáo viên       | 24         | 23 | 00         | 03               | 21            | 00                |         |
| Nhân viên       | 10         | 05 | 00         | 04               | 01            | 05                |         |
| <b>Cộng</b>     | 36         | 29 | 00         | 07               | 24            | 02                |         |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| TT | Số liệu                                                             | Năm học<br>2018-2019     | Năm học<br>2019-2020     | Năm học<br>2020-2021     | Năm học<br>2021-2022     | Năm học<br>2022-2023     |
|----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1  | Tổng số giáo viên                                                   | 21                       | 22                       | 22                       | 21                       | 22                       |
| 2  | Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)                          | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |
| 3  | Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú) | $\frac{30}{2} = 15$      | $\frac{25}{2} = 12,50$   | $\frac{35}{2} = 17,50$   | $\frac{27}{2} = 13,50$   | $\frac{22}{1} = 22$      |
| 4  | Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)       | $\frac{317}{19} = 16,68$ | $\frac{331}{20} = 16,55$ | $\frac{301}{20} = 15,05$ | $\frac{288}{19} = 15,15$ | $\frac{358}{21} = 17,04$ |
| 5  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên       | 00                       | 00                       | 02                       | 00                       | 02                       |
| 6  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên                         | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |

**4. Trẻ em**

| <b>T<br/>T</b> | <b>Số liệu</b>                  | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> | <b>Năm học<br/>2019-2020</b> | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> | <b>Năm học<br/>2022-2023</b> | <b>Ghi<br/>chú</b> |
|----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1              | Tổng số trẻ em                  | 347                          | 356                          | 336                          | 315                          | 380                          |                    |
|                | - <i>Nữ</i>                     | 155                          | 155                          | 144                          | 142                          | 174                          |                    |
|                | - <i>Dân tộc thiểu số</i>       | 02                           | 05                           | 01                           | 03                           | 04                           |                    |
| 2              | Đối tượng chính sách            | 00                           | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
| 3              | Khuyết tật                      | 00                           | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
| 4              | Tuyển mới                       | 160                          | 175                          | 161                          | 187                          | 208                          |                    |
| 5              | Học 2 buổi/ ngày                | 30                           | 25                           | 35                           | 27                           | 22                           |                    |
| 6              | Bán trú                         | 317                          | 331                          | 301                          | 288                          | 358                          |                    |
| 7              | Tỷ lệ trẻ em/ lớp               | 347/10<br>= 34,70            | 356/10<br>= 35,60            | 336/10<br>= 33,60            | 315/11<br>= 28,63            | 380/12<br>= 31,66            |                    |
| 8              | Tỷ lệ trẻ em/ nhóm              | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
| 9              | -Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
|                | -Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |

| <b>T<br/>T</b> | <b>Số liệu</b>                              | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> | <b>Năm học<br/>2019-2020</b> | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> | <b>Năm học<br/>2022-2023</b> | <b>Ghi<br/>chú</b> |
|----------------|---------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------|
|                | -Trẻ em<br>từ 25<br>đến 36<br>tháng<br>tuổi | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
|                | -Trẻ em<br>từ 3-4<br>tuổi                   | 62                           | 47                           | 60                           | 59                           | 76                           |                    |
|                | -Trẻ em<br>từ 4-5<br>tuổi                   | 117                          | 131                          | 89                           | 113                          | 120                          |                    |
|                | -Trẻ em<br>từ 5-6<br>tuổi                   | 168                          | 178                          | 187                          | 143                          | 184                          |                    |

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của trường**

Trường Mầm non An Phú nằm trên địa bàn ấp An Hòa xã An Phú, huyện Củ Chi thuộc vùng ngoại thành của Thành phố Hồ Chí Minh. Trường được thành lập theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 1996 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc, thành lập nhà trẻ trên cơ sở hợp nhất trường mẫu giáo Bông Sen 9 và tổ nuôi dạy trẻ An Phú thành Trường Mầm non Sen Hồng 3. Đến ngày 06 tháng 9 năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi ký ban hành Quyết định số 7277/QĐ-UBND về việc đổi tên Trường Mầm non Sen Hồng 3 thành Trường Mầm non An Phú.

Trường có tổng diện tích khuôn viên là 6.224,50 m<sup>2</sup>. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường đã phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ. Từ năm học 2019-2020 đến nay, nhà trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trường có 36 người, đảm bảo cho việc thực hiện công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục 354 trẻ. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn học hỏi tìm tòi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua luôn được duy trì về số lượng, chất lượng chăm sóc giáo dục ngày càng được nâng cao. Trong quá trình hoạt động, năm 2022 trường nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đạt thành tích xuất sắc trong hai năm liền. Nhiều năm liền nhà trường đã đạt được thành tích “Tập thể lao động xuất sắc”. Tháng 10/2019, trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1.

Chi bộ trường hiện gồm có 17 đảng viên, đạt hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong nhiều năm liền. Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, luôn nhiệt tình, năng động sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, tạo được niềm tin với các cấp lãnh đạo, cha mẹ trẻ và toàn xã hội. Ban đại diện cha mẹ học sinh tích cực hỗ trợ nhà trường trong việc nuôi dạy trẻ góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## **2. Mục đích tự đánh giá**

Mục đích của việc tự đánh giá là nhằm giúp nhà trường tự đánh giá lại toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Thông qua kết quả tự đánh giá làm căn cứ giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để được cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường Mầm non An Phú đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1.

## **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá**

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Trường Mầm non An Phú tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

- Tháng 9/2023: Trường tiếp nhận các văn bản chỉ đạo. Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 275/QĐ-MNAP ngày 05 tháng 9 năm 2023 gồm 14 thành viên: Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng, Phó Hiệu trưởng

là Phó Chủ tịch Hội đồng, thư ký Hội đồng tự đánh giá là nhân viên văn thư. Các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, giáo viên là các ủy viên.

Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá của nhà trường được xây dựng bao gồm các nội dung: mục đích và phạm vi tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động, công cụ đánh giá, dự kiến các thông tin và minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí, thời gian biểu cho từng hoạt động,... Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất chung.

Triển khai kế hoạch công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến tất cả các thành viên trong trường đồng thời tập huấn công tác tự đánh giá cho tất cả các nhóm. Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá đã giao công việc cụ thể cho từng nhóm, đề ra các hoạt động cần huy động, dự kiến minh chứng cho từng tiêu chuẩn, tiêu chí.

- Tháng 10/2023: các nhóm công tác trong hội đồng tự đánh giá thu thập, xử lý, phân loại thông tin, minh chứng.

- Tháng 11/2023: dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá, tổ thư ký đã tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chính thức. Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của các tiêu chí, lấy minh chứng từ các loại hồ sơ, văn bản, thực tế, so sánh đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan.

- Ngày 04/12/2023: nhà trường đã hoàn thành và công bố rộng rãi báo cáo tự đánh giá.

- Ngày 07/12/2023: sau khi hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá, căn cứ các điều kiện theo quy định tại Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

-Ngày 31/12/2023: thực hiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### **Mở đầu:**

Trường Mầm non An Phú có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhiệm kỳ 2021-2026, được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi phê duyệt. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản. Bên cạnh đó, trường còn chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Các Hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

#### ***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

##### **Mức 1:**

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

*Mức 2:*

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

*Mức 3:*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Trường có xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường từng giai đoạn phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-03].

*Mức 2:*

Nhà trường có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường thông qua Nghị quyết chi bộ hằng tháng. Chi bộ báo cáo kịp thời với Đảng ủy xã An Phú về tình hình hoạt động của nhà trường, những khó khăn nhà trường đang gặp phải cần địa phương giúp đỡ trong việc thực hiện phương hướng, chiến lược của nhà trường. Chi bộ lãnh đạo hoạt động của nhà trường, định hướng cho cán bộ quản lý và tổ trưởng quan tâm đẩy mạnh hoạt động chuyên môn của giáo viên trong từng tổ [H1-1.3-04]; [H1-1.1-05].

### Mức 3:

Định kỳ, nhà trường thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-06]. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của trường đã huy động được sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-06]. Tuy nhiên, chưa có sự tham gia đóng góp nhiều của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

### **2. Điểm mạnh**

Trường có xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của xã An Phú theo từng giai đoạn và nguồn lực của nhà trường; có các biện pháp cụ thể để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược và phát triển đạt hiệu quả.

### **3. Điểm yếu**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia đóng góp nhiều của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy việc thực hiện đầy đủ các kế hoạch đề ra, phù hợp với mục tiêu và định kỳ hàng năm có rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phương hướng, chiến lược. Triển khai đa dạng các hình thức tổ chức lấy ý kiến của cha mẹ trẻ và cộng đồng tham gia xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thông qua các buổi họp cha mẹ, phiếu lấy ý kiến của cha mẹ và cộng đồng ; tăng cường các hình thức công khai phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường trên trang thông tin điện tử để tuyên truyền đến cha mẹ trẻ và cộng đồng.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

*Mức 1:*

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Trường Mầm non An Phú có Hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 14 thành viên [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập vào đầu năm học. Ngoài ra, vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: hội đồng tuyển sinh được thành lập trước khi khai giảng năm học mới; hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến; hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường [H1-1.2-02].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường giúp nhà trường đánh giá các hoạt động, rà soát các chỉ tiêu nhà trường đề ra trong kế hoạch năm học, trường đã thực hiện từng học kỳ. Hội đồng thi đua giúp nhà trường nhận xét, đánh giá thi đua chất lượng hiệu quả, công khai, theo đúng quy trình [H1-1.2-03].

c) Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được định kỳ rà soát và đánh giá để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, các thành viên trong Hội đồng trường luôn có sự thay đổi nên công tác phối hợp, kiểm tra, rà soát định kỳ chưa linh hoạt trong quá trình thực hiện [H1-1.2-03].

Mức 2:

Các hoạt động của nhà trường được thực hiện đạt hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ: giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quy chế dân chủ không để xảy ra trường hợp đội ngũ giáo viên, nhân viên, tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực.

[H1-1.2-04].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

## **3. Điểm yếu**

Các thành viên trong Hội đồng trường đôi khi có sự thay đổi, nên công tác phối hợp và kiểm tra, rà soát định kỳ của các thành viên trong Hội đồng trường chưa linh hoạt trong quá trình thực hiện.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng và các đoàn thể tham mưu giới thiệu đưa vào Hội đồng trường những thành viên vững chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm sẽ giúp việc cho Hội đồng trường và các hội đồng khác, quản lý tốt công tác bàn giao khi có sự thay đổi nhân sự trong Hội đồng, đảm bảo tính kế thừa, tăng cường sự phối kết hợp giữa các thành viên trong Hội đồng trường để việc kiểm tra, rà soát thực hiện đúng tiến độ đã đề ra.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

a) *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

*Mức 3:*

a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng***Mức 1:*

a) Tổ chức công đoàn cơ sở của nhà trường gồm 36 công đoàn viên; Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trực thuộc Huyện đoàn huyện Củ Chi; Trường có các tổ chức xã hội: Chi hội Chữ thập đỏ, Chi hội khuyến học [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

b) Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng công đoàn, nhiều năm liền đạt công đoàn vững mạnh xuất sắc [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 11 đoàn viên trực thuộc huyện đoàn Củ Chi, đạt chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền [H1-1.3-02]. Chi hội Chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của hội Chữ thập đỏ huyện Củ Chi [H1-1.3-03], Chi hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của hội Khuyến học huyện Củ Chi [H1-1.3-04].

c) Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá kịp thời để chỉ đạo đội ngũ thực hiện đúng theo nghị quyết, kế hoạch đã đề ra. Qua đó, có kiến nghị, đề xuất và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế - xã hội giải quyết những vấn

đề có liên quan đến công tác tại đơn vị theo quy trình dân chủ, công khai, đúng nguyên tắc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-05].

Mức 2:

a) Nhà trường có chi bộ trực thuộc Đảng ủy xã An Phú, Bí thư Chi bộ là hiệu trưởng. Chi bộ có 15 Đảng viên (02 cán bộ quản lý, 13 giáo viên), định kỳ hằng tháng tổ chức sinh hoạt đúng quy định để đánh giá công tác xây dựng Đảng, các hoạt động trong nhà trường và chỉ đạo các hoạt động đoàn thể [H1-1.3-04]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ luôn hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể, hội Chữ thập đỏ và hội Khuyến học trong nhà trường đóng góp tích cực cho các hoạt động [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-05]. Công đoàn tích cực đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động; chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật [H1-1.3-01]. Chi đoàn xây dựng tốt các chương trình hành động, tuyên truyền giáo dục thanh niên, xung kích trong các phong trào của trường, xã, huyện; Hằng năm, Chi đoàn có giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng [H1-1.3-02]. Hội Khuyến học hỗ trợ việc dạy và học, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị, xây dựng xã hội học tập [H1-1.3-05]. Hội Chữ thập đỏ thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường về sơ cấp cứu, kiến thức, biện pháp chăm sóc sức khỏe, phòng dịch bệnh cho bản thân, gia đình và trẻ [H1-1.3-03].

Mức 3:

a) Từ năm 2019 đến nay, Chi bộ Trường Mầm non An Phú luôn đạt được thành tích Chi bộ hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể, công đoàn tích cực đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục rèn luyện đoàn viên nhằm góp

phần thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị; tham gia đóng góp ủng hộ quỹ vì biển đảo quê hương vì tuyển đầu Tổ Quốc, chăm sóc phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh hùng; Hội Chữ thập đỏ tham gia hiến máu tình nguyện và thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, biện pháp chăm sóc sức khỏe, phòng, chống dịch bệnh cho bản thân, gia đình, trẻ và cộng đồng. Tuy nhiên, các đoàn thể, tổ chức tại đơn vị chưa vận động sự ủng hộ về vật chất của tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường để phát triển nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-05].

## **2. Điểm mạnh**

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định, hoạt động đúng chức năng, đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp đến nay, chi bộ luôn được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

## **3. Điểm yếu**

Các đoàn thể, tổ chức tại đơn vị chưa vận động sự ủng hộ về vật chất của tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường để phát triển nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức của các đoàn thể và các tổ chức khác hoạt động ổn định đúng theo quy định, giữ vững các danh hiệu, thành tích đã đạt được. Ban chấp hành các đoàn thể, các tổ chức của nhà trường tích cực tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử của trường, tham mưu với lãnh đạo các cấp cũng như qua các nhóm Zalo lớp nhằm tăng cường sự hỗ trợ từ phía cha mẹ trẻ, mạnh thường quân, tổ chức ngoài nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục tại đơn vị.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

*Mức 1:*

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

**Mức 2:**

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

**Mức 3:**

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Trường Mầm non AnPhú được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi bổ nhiệm hiệu trưởng theo Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và 01 phó hiệu trưởng theo Quyết định số 8280/QĐ-UBND ngày 14 tháng 07 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi [H1-1.4-01]. Tuy nhiên, đến tháng 12/2023 trường còn thiếu 01 Phó Hiệu trưởng so với quy định.

b) Nhà trường có thành lập 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: tổ chuyên môn 5 - 6 tuổi có 10 thành viên, tổ chuyên môn 3 - 4 tuổi có 06 thành viên và tổ chuyên môn 4 - 5 tuổi có 08 thành viên và tổ văn phòng có 10 thành viên. Mỗi tổ đều có tổ trưởng được phân công hỗ trợ quản lý thực hiện các chỉ đạo chuyên môn tại tổ theo quyết định của Hiệu trưởng [H1-1.4-02].

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động năm học và thực hiện các nhiệm vụ theo quy

định [H1-1.4-03]. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo quy định [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn thực hiện ít nhất 01 chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trẻ, thông qua các buổi thảo luận chuyên môn tổ khối hằng tháng [H1-1.4-05].

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp định kỳ 2 lần trong tháng đúng theo quy định. Qua các buổi họp, tổ chuyên môn và tổ văn phòng luôn rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động trong tổ cho phù hợp kế hoạch và tình hình thực tế, góp phần nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt định kỳ; các nội dung sinh hoạt tổ như: bồi dưỡng, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, kỹ năng sư phạm cho đội ngũ giáo viên, nhân viên đã giúp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị. Tuy nhiên, Các tổ chưa có tổ phó theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-04].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, dự giờ hoạt động giáo dục góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em [H1-1.4-03].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có thành lập tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

## **3. Điểm yếu:**

Tổ chuyên môn 5-6 tuổi có 10 thành viên; tổ chuyên môn 4-5 tuổi có 08 thành viên; tổ văn phòng có 10 thành viên nhưng chưa tổ phó theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Tổ văn phòng do có nhiều bộ phận khác nhau, các thành

viên trong tổ có trình độ không tương đồng nên chưa đề xuất được những ý kiến đi sâu về chuyên môn để công việc đạt hiệu quả cao và giảm được cường độ làm việc, tiết kiệm thời gian và sức lao động. Trường thiếu một (01) phó hiệu trưởng từ tháng 12/2023.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ học kỳ 2 năm học 2023-2024, hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm thêm tổ phó tổ chuyên môn mẫu giáo 4-5 tuổi, tổ chuyên môn mẫu giáo 5-6 tuổi và tổ văn phòng để hỗ trợ quản lý, tổ chức hiệu quả hoạt động tổ và đảm bảo theo quy định Điều lệ trường mầm non; bồi dưỡng và phát huy tốt vai trò của tổ trưởng, tổ phó chuyên môn trong công tác điều hành hoạt động tổ; đề xuất mô hình “ý tưởng mới”, “sáng kiến hay” nhằm tăng cường động viên, khuyến khích các thành viên trong tổ mạnh dạn đóng góp, đề xuất ý kiến về các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, đổi mới hình thức tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn, đi sâu hơn vào chuyên môn để công việc đạt hiệu quả, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng tiếp tục đề nghị, tham mưu với huyện nhanh chóng bổ sung nhân sự 01 phó hiệu trưởng đảm bảo theo quy định về số lượng cán bộ quản lý đối với trường mầm non hạng 1.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

##### ***Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo***

##### ***Mức 1:***

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 12 lớp được phân chia theo đúng độ tuổi, có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định [H1-1.5-01].

| Năm học   | Sĩ số học sinh | 02 buổi/ngày | Bán trú |
|-----------|----------------|--------------|---------|
| 2018-2019 | 347            | 30           | 317     |
| 2019-2020 | 356            | 25           | 331     |
| 2020-2021 | 336            | 35           | 301     |
| 2021-2022 | 315            | 27           | 288     |
| 2022-2023 | 380            | 22           | 358     |
| 2023-2024 | 354            | 28           | 326     |

Năm học 2023-2024:

+ Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi: 67 trẻ/03 lớp = 22,5 trẻ/lớp;

+ Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi: 118 trẻ/04 lớp = 29,5 trẻ/lớp;

+ Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi: 169 trẻ/05 lớp = 33,8 trẻ/lớp

b) 100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi/ ngày [H1-1.5-01].

c) Trong các năm qua, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường thực hiện tuyển sinh theo chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Trẻ được phân chia vào nhóm lớp đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01]. Năm học 2023-2024, nhà trường đã

thực hiện tuyển sinh trực tuyến theo văn bản số 4188/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về ban hành kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024 trên địa bàn huyện Củ Chi. Tuy nhiên, số lượng trẻ 3-4 tuổi và 4-5 tuổi đăng ký học chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch huy động trẻ ra lớp của Ủy ban nhân dân huyện đã giao.

Năm học 2023-2024 toàn trường có tổng số 354 trẻ, trong đó có 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (67 trẻ), 04 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (118 trẻ), 05 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (169 trẻ) [H1-1.5-01]. Trong khi đó, quyết định huy động trẻ ra lớp là mẫu giáo 3-4 tuổi (75 trẻ), 04 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (120 trẻ).

Mức 3:

Nhà trường có 12 lớp mẫu giáo phù hợp với quy định [H1-1.5-01].

## **2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện phân chia các lớp theo đúng độ tuổi. 100% trẻ được tổ chức học 02 buổi/ ngày.

## **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ trẻ của các độ tuổi ra lớp chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch huy động trẻ ra lớp của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức các lớp học và số trẻ trong lớp đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non; Hiệu trưởng thực hiện tốt công tác phối hợp với các ban ngành đoàn thể trong địa bàn nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huy động trẻ ra lớp đạt chỉ tiêu được giao.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy

*chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

*Mức 2:*

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

*Mức 3:*

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

*a) Hồ sơ, sổ sách của nhà trường được thực hiện đầy đủ như: hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01], hồ sơ quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý [H1-1.6-02], hồ sơ kiểm tra nội bộ [H1-1.6-03], sổ công văn đi, đến [H1-1.6-04], hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.6-05]. Hồ sơ có đầy đủ, sắp xếp khoa học đúng theo quy định của luật lưu trữ.*

*b) Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-06]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-07]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-08].*

*c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-05]; [H1-1.6-07].*

*Mức 2:*

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: “Quản lý cán bộ công chức”, “Quản lý dữ liệu giáo dục”, “Phổ cập giáo dục” [H1-1.6-09]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: “Quản lý tài sản”, phần mềm kế toán Imas, Viettec [H1-1.6-10].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

### Mức 3:

Nhà trường có các kế hoạch ngắn hạn như dự toán từng năm, quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp điều kiện nhà trường và thực tế địa phương [H1-1.6-06]; [H1-1.6-08]. Tuy nhiên, chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục; có ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp điều kiện nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì các biện pháp trong công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Hiệu trưởng chỉ đạo kế toán tham mưu xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tiễn địa phương để xây dựng và phát triển nhà trường.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

***Mức 1:***

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

***Mức 2:***

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Hằng năm, Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên bằng các hình thức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp [H1-1.7-01].

b) Hằng năm, nhà trường đều có quyết định phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý. Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường phù hợp chức danh, chức trách, nhiệm vụ để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được trang bị đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị đảm bảo đủ các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, được đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham quan nghỉ dưỡng vào dịp hè, được khám sức khỏe định kỳ một lần trong một năm theo chế độ quy định,

được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được phát biểu, đóng góp ý kiến, xây dựng nội quy, quy chế cơ quan, được hưởng phụ cấp chế độ theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2014 và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố [H1-1.7-03].

#### Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có các biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục như: xây dựng kế hoạch cải tiến, phát triển năng lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, tổ chức tham gia học các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các lớp học nâng cao, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, thực hiện các chuyên đề cấp trường, cấp huyện đã phát huy được tính tự giác, tính tích cực, tính sáng tạo của đội ngũ, đổi mới phương pháp trên cơ sở sử dụng và khai thác khả năng các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại cùng nhau xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; đa dạng về hình thức học tập, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.7-04]. Tuy nhiên, tỷ lệ giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện qua các năm học chưa cao.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch cải tiến phát triển năng lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên để được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; phân công, sử dụng đội ngũ rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường; thực hiện đầy đủ các chế độ, đảm bảo các quyền theo quy định. Có biện pháp phát huy được năng lực cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên xây dựng đội ngũ nhà giáo có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm cao đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục nhà trường.

### **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện qua các năm học chưa cao.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tiến phát triển năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp nâng chuẩn, phấn đấu đến năm 2025 toàn trường có 100% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn và khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện đạt tỷ lệ cao. Tiếp tục phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý; thực hiện đầy đủ các chế độ, đảm bảo các quyền theo quy định cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

##### ***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

##### ***Mức 1:***

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

##### ***Mức 2:***

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

##### **Mức 1:**

- a) Vào mỗi năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành là văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Căn cứ kế hoạch giáo dục nhà trường, giáo viên thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể, phù hợp với điều kiện nhóm lớp và độ tuổi trẻ. Kế hoạch giáo dục được giáo viên xây dựng trên phần mềm Mindjet-MindManager 8.0, cụ thể nội dung, hoạt động theo năm học,

tháng, tuần đảm bảo nội dung mục tiêu, kết quả mong đợi của chương trình giáo dục mầm non theo lứa tuổi trẻ[H1-1.8-01].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với từng độ tuổi [H1-1.8-02]. Tuy nhiên vẫn 02 giáo viên mới soạn kế hoạch và thiết kế giáo án cũng như tổ chức hoạt động học cho trẻ chưa linh hoạt, sáng tạo.

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp, các tổ chuyên môn có xây dựng kế hoạch chung cho tổ theo tuần, tháng, năm học, tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần, sinh hoạt đột xuất khi có yêu cầu và có biên bản sinh hoạt của tổ.

#### Mức 2:

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường bằng các biện pháp như: thăm lớp, dự giờ, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị [H1-1.8-03].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục, có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

### **3. Điểm yếu**

Còn 03 giáo viên soạn kế hoạch và thiết kế giáo án cũng như tổ chức hoạt động học cho trẻ chưa linh hoạt, sáng tạo.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục chú trọng hơn công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, giúp giáo viên linh động, sáng tạo hơn trong công tác. Tiếp tục tăng cường kiểm tra, đánh giá để kịp thời rà soát, điều chỉnh các kế hoạch hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tại đơn vị; quan tâm hỗ trợ bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên lớn tuổi và giáo viên mới ra trường.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

#### ***Mức 1:***

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

#### ***Mức 2:***

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

a) Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc thông qua người đại diện công đoàn về các nội dung liên quan đến hoạt động của đơn vị như: kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nội quy, lề lối làm việc; quy chế chi tiêu nội bộ; chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức; các phong trào thi đua trong năm học đúng theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về việc hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập [H1-1.9-01]. Tuy nhiên, giáo viên trẻ, nhân viên mới của nhà trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b) Từ năm 2018 đến nay không có tình trạng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị xảy ra trong nhà trường [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện báo cáo Quy chế dân chủ cơ sở đúng quy định đến phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Hiệu trưởng quán triệt nội dung quy chế dân chủ cơ sở đến đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong hội nghị viên chức đúng theo quy định [H1-1.7-03].

#### Mức 2:

Nhà trường luôn chú trọng, tăng cường vai trò của Ban Thanh tra nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch và đạt hiệu quả cao [H1-1.9-03]. Thực hiện triển khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; công khai các biểu mẫu về chất lượng giáo dục tại trường, công khai các chế độ chính sách đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.9-04].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

### **3. Điểm yếu**

Tuy nhiên, giáo viên trẻ, nhân viên mới của nhà trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của hiệu trưởng, người đứng đầu các tổ chức đoàn thể đơn vị về thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường; tăng cường khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mạnh dạn góp ý, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

***Mức 1:***

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

***Mức 2:***

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Nhà trường có xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự, phương án vệ sinh an toàn thực phẩm, phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ, phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống dịch bệnh, phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; Bếp ăn cho trẻ tại đơn vị

được thành lập đảm bảo an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03];[H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

b) Nhà trường thiết kế, lắp đặt hộp thư góp ý ngay tại cổng trường, bên ngoài hộp có số điện thoại của trường, của Hiệu trưởng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cha mẹ trẻ, người dân. Hiệu trưởng phân công bảo vệ đảm bảo ca trực để tiếp nhận, hướng dẫn cha mẹ trẻ và người dân thực hiện đúng trình tự thông tin phản ánh, đồng thời đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.10-08].

c) Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đã được quán triệt tư tưởng trong các buổi họp hội đồng sư phạm, họp Chi bộ về các văn bản quy phạm pháp luật, các chuẩn mực, đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử trong trường học, có nhận thức tốt trong giao tiếp nên không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường [H1-1.2-03]; [H1-1.3-05].

## Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; xây dựng quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai [H1-1.10-04]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.10-06]; thường xuyên kiểm tra các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời và trong lớp, kiểm tra vệ sinh môi trường, bếp ăn; xây dựng cảnh quan môi trường thân thiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất, tinh thần cho 100% trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên khi hoạt động tại trường. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền chưa phong phú về hình ảnh minh họa, hình ảnh tư liệu để thu hút mọi đối tượng tham gia.

b) Hàng năm, nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả khi có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.9-03]; [H1-1.10-09].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa phong phú, đa dạng.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; tiếp tục cải tiến đổi mới, đa dạng các hình thức truyền thông để thu hút sự quan tâm nâng cao hiệu quả phối hợp với cha mẹ trẻ em trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Thường xuyên tổ chức tập huấn, diễn tập phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Trường có xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của xã An Phú theo từng giai đoạn và nguồn lực của nhà trường; có các biện

pháp cụ thể để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược và phát triển đạt hiệu quả.

Trường có thành lập tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

Trường thực hiện phân chia các lớp theo đúng độ tuổi. 100% trẻ được tổ chức học 02 buổi/ ngày”.

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục; có ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục, có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

### **Điểm yếu cơ bản:**

Tổ chuyên môn 5-6 tuổi có 10 thành viên; tổ chuyên môn 4-5 tuổi có 08 thành viên; tổ văn phòng có 10 thành viên nhưng chưa có tổ phó theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Tổ văn phòng do có nhiều bộ phận khác nhau, các thành viên trong tổ có trình độ không tương đồng nên chưa đề xuất được những ý kiến đi sâu về chuyên môn để công việc đạt hiệu quả cao và giảm được cường độ làm việc, tiết kiệm thời gian và sức lao động.

Trường thiếu một (01) phó hiệu trưởng từ tháng 12/2023.

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp điều kiện nhà trường.

Tỷ lệ giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện qua các năm học chưa cao.

Còn 03 giáo viên soạn kế hoạch và thiết kế giáo án cũng như tổ chức hoạt động học cho trẻ chưa linh hoạt, sáng tạo.

Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa phong phú, đa dạng.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/00**

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ**

**Mở đầu:**

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng và đạt yêu cầu về trình độ quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức, lối sống, có năng lực trong công tác quản lý và chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại trường, đáp ứng các yêu cầu đổi mới hiện nay của ngành học.

***Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng***

***Mức 1:***

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

***Mức 2:***

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

**Mức 3:**

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Cán bộ quản lý Trường Mầm non An Phú đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non cụ thể: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có thâm niên công tác liên tục trong giáo dục mầm non trên 05 năm. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều tốt nghiệp Cử nhân Đại học chuyên ngành Mầm non, đã qua lớp đào tạo bồi dưỡng Hiệu trưởng, lớp Trung cấp lý luận chính trị, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có đầy đủ sức khỏe và năng lực quản lý nhà trường; [H2-2.1-01]. Tuy nhiên, trường còn thiếu 01 Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục do xin nghỉ việc theo nguyện vọng từ tháng 12/2023.

b) Hằng năm, cán bộ quản lý được lãnh đạo và giáo viên, nhân viên nhận xét đánh giá xếp loại đạt từ khá trở lên theo quy định của Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 về Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; văn bản số 1182/GDĐT-TC ngày 23 tháng 4 năm 2020 hướng dẫn thực hiện đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: lớp bồi dưỡng chuyên môn, học tập về chuyên đề, quản lý tài chính, tài sản [H2-2.1-03].

**Mức 2:**

a) Trong 05 năm liên tiếp Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-02].

| <b>Kết quả<br/>đánh giá</b> | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> | <b>Năm học<br/>2019-2020</b> | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> | <b>Năm học<br/>2022-2023</b> |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <b><i>Tốt</i></b>           | 02                           | 02                           | 00                           | 01                           | 00                           |
| <b><i>Khá</i></b>           | 01                           | 01                           | 03                           | 02                           | 03                           |
| <b><i>Đạt</i></b>           | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           | 00                           |

b) Cán bộ quản lý tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị, học tập các Nghị quyết theo quy định của Đảng ủy, chính quyền địa phương. Hằng năm, tiến hành lấy ý kiến đóng góp về công tác quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao [H2-2.1-03].

### Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt các tiêu chuẩn theo quy định, có năng lực và kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên; được giáo viên, nhân viên trong trường và cha mẹ trẻ tín nhiệm.

## **3. Điểm yếu**

Trường thiếu một (01) phó hiệu trưởng từ tháng 12/2023. Đánh giá hiệu trưởng theo chuẩn hiệu trưởng các năm qua đạt mức khá.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 12/2023, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu các cấp lãnh đạo điều động hoặc bổ nhiệm thêm 01 phó hiệu trưởng để đảm bảo đúng cơ cấu tiêu chuẩn theo quy định của trường mầm non hạng 1. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tự rà soát các hạn chế, tồn tại theo nội dung, tiêu chí đánh giá chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non, xây dựng cụ thể kế hoạch, giải pháp, cách thức khắc phục các hạn chế, tồn tại ở các nội dung, tiêu chí chưa đạt tốt theo chuẩn đánh giá hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức2.**

### **Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

#### **Mức 1:**

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

#### **Mức 2:**

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

#### **Mức 3:**

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

## 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ gồm 24 giáo viên, trong đó: 06 giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi/ 03 lớp; 08 giáo viên dạy lớp mẫu giáo 4-5 tuổi/ 04 lớp; 10 giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5-6 tuổi/05 lớp [H1-1.7-02].

b) Trường có 24/24 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-01].

c) Trường đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên đúng quy định, 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-02].

| <b>Kết quả đánh giá</b> | <b>Năm học 2018-2019</b> | <b>Năm học 2019-2020</b> | <b>Năm học 2020-2021</b> | <b>Năm học 2021-2022</b> | <b>Năm học 2022-2023</b> |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b><i>Tốt</i></b>       | 06<br>28,57 %            | 06<br>27,27 %            | 08<br>36,36 %            | 09<br>45 %               | 08<br>36,36 %            |
| <b><i>Khá</i></b>       | 14<br>66,67 %            | 14<br>63,63 %            | 10<br>45,45 %            | 09<br>45 %               | 12<br>54,55 %            |
| <b><i>Đạt</i></b>       | 01<br>4,76 %             | 02<br>9,10 %             | 04<br>18,19 %            | 02<br>10 %               | 02<br>9,09 %             |
| <b><i>Không đạt</i></b> | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |

Mức 2:

a) Trình độ đào tạo đạt chuẩn của giáo viên 24/24– tỷ lệ 100%, trong đó có 21/24 giáo viên trình độ trên chuẩn (đại học sư phạm mầm non) đạt tỷ lệ 87,50 %; 03/24 giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 12,5 % [H2-2.2-01]. Có 03 giáo viên trình độ cao đẳng đang học lớp đại học sư phạm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên; có 90 % giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02]. Tuy nhiên, số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt chưa cao so với chỉ tiêu kế hoạch nhà trường đề ra.

c) Trong các năm học không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-04].

Mức 3:

a) Trường có 21/24 giáo viên trình độ đào tạo trên chuẩn quy định, đạt tỷ lệ 87,50 % [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 90 % giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, và có trên 35 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-02]. Tuy nhiên, số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt chưa cao so với chỉ tiêu kế hoạch nhà trường đề ra.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định; 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn theo quy định; có 21/24 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo, tỷ lệ 87,50 %.

## **3. Điểm yếu**

Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt chưa cao so với chỉ tiêu kế hoạch nhà trường đề ra.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện, động viên 03 giáo viên có trình độ cao đẳng tiếp tục học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trên chuẩn. Tiếp tục có kế hoạch bồi dưỡng để nâng tỷ lệ giáo viên được đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Giáo viên tự rà soát các hạn chế, tồn tại theo nội dung, tiêu chí đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, xây dựng cụ thể kế hoạch, giải pháp,

cách thức khắc phục các hạn chế, tồn tại ở các nội dung, tiêu chí chưa đạt tốt theo chuẩn đánh giá nghề nghiệp giáo viên mầm non.

**5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

***Mức 1:***

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

***Mức 2:***

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

***Mức 3:***

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Trường Mầm non An Phú có 10 nhân viên phụ trách các hoạt động của nhà trường do Hiệu trưởng phân công: 01 kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên y tế, 02 bảo vệ, 05 nhân viên nấu ăn [H2-2.3-01].

b) Mỗi nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.7-02].

c) Nhân viên nhà trường luôn được đánh giá xếp loại thi đua vào cuối năm học, 100% nhân viên đều được đánh giá xếp loại viên chức và người lao động đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

**Mức 2:**

a) Đến thời điểm đánh giá, nhà trường có cơ cấu số lượng nhân viên đủ theo quy định đề án vị trí việc làm nhà trường: 01 kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên y tế, 02 bảo vệ, 05 nhân viên nấu ăn [H2-2.3-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-04].

**Mức 3:**

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán; văn thư có trình độ trung cấp văn thư; y tế có trình độ trung cấp y sĩ; 02 cấp dưỡng đã qua lớp sơ cấp nấu ăn, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn [H2-2.3-01]. Tuy nhiên, trường còn 03 nhân viên nấu ăn chưa qua đào tạo nghiệp vụ nấu ăn theo quy định.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Trường còn 03 nhân viên nấu ăn chưa qua đào tạo nghiệp vụ nấu ăn theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường duy trì phát huy các mặt mạnh, lập kế hoạch cho 03 nhân viên nấu ăn chưa qua đào tạo tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ nấu ăn theo quy định; và tạo điều kiện cho 02 nhân viên nấu ăn trình độ sơ cấp tham gia lớp đào tạo nghiệp vụ trung cấp nấu ăn.

**5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

## **Kết luận về tiêu chuẩn 2:**

### **Điểm mạnh nổi bật:**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt các tiêu chuẩn theo quy định, có năng lực và kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên; được giáo viên, nhân viên trong trường và cha mẹ trẻ tin nhiệm.

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định; 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn theo quy định; có 21/24 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo, tỷ lệ 87,5%. Trong các năm qua, trường thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp 100% giáo viên đạt mức khá trở lên.

### **Điểm yếu cơ bản:**

Trường thiếu một (01) phó hiệu trưởng từ tháng 12/2023. Đánh giá hiệu trưởng theo chuẩn hiệu trưởng các năm qua đạt mức khá.

Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt chưa cao so với chỉ tiêu kế hoạch nhà trường đề ra.

Trường còn 03 nhân viên nấu ăn chưa có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ nấu ăn theo quy định.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.**

## **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi**

### **Mở đầu:**

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư, cải tạo ngày càng khang trang, hiện đại; các thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trang bị đầy đủ để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay. Các phòng học, bếp ăn, khuôn viên nhà trường, sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo theo yêu cầu quy định.

### **Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn**

#### **Mức 1:**

- a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;
- b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;
- c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

#### **Mức 2:**

- a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;
- b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;
- c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

#### **Mức 3:**

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

- a) Trường Mầm non An Phú có diện tích đất 6.224,50 m<sup>2</sup>, bình quân 17,58 m<sup>2</sup>/trẻ. Các phòng học và phòng làm việc được xây dựng kiên cố [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường có tường rào bao quanh, được xây dựng chắc chắn, kiên cố; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. Cổng chính có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi sạch sẽ, thoáng mát; có hiên chơi, hành lang của các lớp; có sân chơi chung rộng rãi, có vườn hoa, vườn rau, giúp cho trẻ được khám phá môi trường thiên nhiên, sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn cho trẻ [H3-3.1-03].

#### Mức 2:

a) Trường có tổng diện tích đất là 6.224,50 m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng công trình là 1.469,10 m<sup>2</sup>; có sân vườn, đường giao thông nội bộ 4.755,40 m<sup>2</sup> đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi, có cây xanh tạo bóng mát sân trường cho trẻ chơi, cây xanh thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây và vườn rau dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, sân vườn luôn sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời phù hợp với trẻ như: cầu trượt, bập bênh nhún, cầu trượt, đu quay, xích đu, cầu thăng bằng [H3-3.1-05].

#### Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung, mua sắm trang thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế của trường, đảm bảo an toàn cho trẻ khi vui chơi [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]. Tuy nhiên, các thiết bị, đồ chơi ngoài trời chưa phong phú và đa dạng.

## 2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên đất rộng, được xây dựng kiên cố, có biển tên trường và tường rào bao xung quanh, đảm bảo an toàn. Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định. Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giáo dục phát triển vận động cho trẻ.

## 3. Điểm yếu

Diện tích khu vực vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập, hoạt động trải nghiệm còn nhỏ so với sĩ số 354 trẻ. Khu vực vận động chưa phân chia theo khu phù hợp độ tuổi. Các thiết bị, đồ chơi ngoài trời chưa phong phú và đa dạng.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì, đầu tư, tu bổ, cải tạo về cơ sở vật chất; sắp xếp bố trí thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo khu phù hợp độ tuổi. Hiệu trưởng lập kế hoạch dự trù kinh phí mua sắm bổ sung các thiết bị đồ chơi vận động ngoài Danh mục phù hợp với thực tế khuôn viên sân rộng, đảm bảo an toàn, giúp trẻ tăng cường vận động tích cực; giao nhiệm vụ cho bộ phận, nhân viên phụ trách tiếp tục cải tạo mở rộng diện tích khu vườn cây để tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ quan sát, khám phá, học tập, chăm sóc cây trồng.

## 5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***

*Mức 1:*

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo*

*dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

*Mức 2:*

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

*Mức 3:*

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Trường có 12 phòng học, trong đó có 12 lớp mẫu giáo, bao gồm: 03 phòng lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 04 phòng lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 05 phòng lớp mẫu giáo 5-6 tuổi. Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường [H3-3.2-01].

b) Mỗi lớp mẫu giáo có 01 phòng sinh hoạt chung làm nơi sinh hoạt học tập, vui chơi, ăn và ngủ cho trẻ. Các phòng đều được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, khoa học thuận tiện chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.2-01]; H3-3.2-02].

c) Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, đúng theo quy định, 100% phòng có trang bị quạt trần, tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H3-3.2-03].

*Mức 2:*

a) Trường sử dụng phòng sinh hoạt chung kết hợp làm phòng ngủ cho trẻ với diện tích bình quân là 72 m<sup>2</sup>/phòng. Phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích là 45 m<sup>2</sup>, được trang bị đủ đồ dùng, dụng cụ cho trẻ hoạt động và phòng đa năng

diện tích là 90 m<sup>2</sup> kết hợp làm nơi cho trẻ luyện tập phát triển vận động thể chất [H3-3.2-02]; [H3-3.2-04].

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-02].

Mức 3:

Trường sử dụng phòng nghệ thuật kết hợp tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: gương, đàn, dụng cụ âm nhạc, trang phục [H3-3.2-04]. Trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các phòng sinh hoạt chung tương ứng với số nhóm, lớp, được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt; có đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị được sắp xếp gọn gàng, hợp lý, sạch sẽ thuận tiện chăm sóc, giáo dục trẻ.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì bảo đảm các phòng lớp sạch sẽ, có đủ trang thiết bị phục vụ cho từng phòng lớp. Hiệu trưởng lập kế hoạch sắp xếp lại các kho đồ dùng, cải tạo thành phòng tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh, tin học.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị***

*Mức 1:*

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

*Mức 2:*

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

*Mức 3:*

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Trường Mầm non An Phú có đầy đủ các loại phòng theo quy định của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học bao gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng y tế, 01 phòng hành chính, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng dành cho nhân viên [H3-3.1-01].

b) Khối phòng hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc như: máy vi tính, máy in, bảng biểu, tủ để tài liệu. Phòng y tế có trang bị: giường y tế, tủ thuốc y tế, hồ sơ theo dõi sức khỏe, cân đo học sinh [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02]. Tuy nhiên, hệ thống máy vi tính của khối phòng hành chính quản trị đã cũ và xuống cấp nên chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị tài chính, tài sản.

c) Nhà trường có khu vực để xe của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và được bố trí đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-03].

*Mức 2:*

a) Nhà trường có đủ các phòng và đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 thông tư ban hành quy định về Tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học gồm: phòng hiệu trưởng 30 m<sup>2</sup>; 02 phòng phó hiệu trưởng 15 m<sup>2</sup>/phòng; phòng hành chính 20 m<sup>2</sup>; phòng y tế 15 m<sup>2</sup>; phòng bảo vệ 06 m<sup>2</sup>; 01 phòng nghỉ dành cho nhân viên 15 m<sup>2</sup> [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có khu vực để xe của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che diện tích 70 m<sup>2</sup> và được đảm bảo an toàn, tiện lợi [H3-3.3-03].

### Mức 3:

Trường Mầm non An Phú có đầy đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01]. Tuy nhiên, phòng hành chính diện tích chưa đảm bảo theo quy định; hệ thống máy vi tính của khối phòng hành chính quản trị đã cũ và xuống cấp nên chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị tài chính, tài sản.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các phòng làm việc, đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc.

### **3. Điểm yếu**

Phòng hành chính diện tích chưa đảm bảo theo quy định; hệ thống máy vi tính của khối phòng hành chính quản trị đã cũ và xuống cấp nên chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị tài chính, tài sản.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục lập kế hoạch cải tạo nâng cấp, mở rộng diện tích phòng hành chính quản trị ngày càng khang trang. Hiệu trưởng lập kế hoạch dự trù kinh phí và lộ trình thực hiện mua sắm bổ sung trang thiết bị, phương tiện, máy vi tính các phòng hành chính quản trị để đáp ứng nhu cầu công tác, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị tài chính, tài sản.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn***

*Mức 1:*

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

*Mức 2:*

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

*Mức 3:*

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố, có diện tích 120,90 m<sup>2</sup>, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều; sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như tủ hấp cơm và hệ thống dẫn nước đến tận nồi nấu, tủ sấy chén, máy xay thịt, máy xay sinh tố[H3-3.4-01].

b) Trường có bố trí 01 kho thực phẩm với diện tích 12 m<sup>2</sup>, 01 kho chứa dụng cụ với diện tích 12 m<sup>2</sup> [H3-3.4-02].

c) Trường có 01 tủ lưu mẫu thức ăn đạt yêu cầu, hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn và 01 tủ lạnh bảo quản thực phẩm [H3-3.4-03].

*Mức 2:*

Bếp ăn có diện tích 120,90 m<sup>2</sup>. Nhà bếp được sắp xếp theo quy trình vận hành bếp 1 chiều gồm khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu chia thức ăn chín, đồ dùng nhà bếp đầy đủ như: tủ hấp cơm sử dụng gas, xoong inox, tủ nhôm kính đựng đồ dùng, các loại chén đĩa, khay phù hợp và đảm bảo an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, có kho chứa thực phẩm, có đầy đủ đồ dùng bằng inox như: xe đẩy, tủ hấp cơm, máy sấy tô chén, máy xay thịt, máy xay

sinh tố, sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện có hệ thống hút khói, bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn, có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm cho trẻ [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05]; [H3-3.4-06]; [H3-3.4-07].

Mức 3:

Bếp ăn của trường đảm bảo thiết kế theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh; khu sơ chế và chế biến thực phẩm đủ ánh sáng, thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và khu chia thức ăn [H3-3.4-01]. Tuy nhiên, nhà bếp được xây dựng lâu năm nên có một số chỗ bị thấm nước.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà bếp được xây dựng kiên cố, thông thoáng, trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ bếp ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, các khu vực được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

## **3. Điểm yếu**

Bếp ăn nhà trường chưa có nhiều các thiết bị nhà bếp hiện đại như máy ép tắc, máy trộn thực phẩm, xe chuyển nồi thức ăn để giảm tải cường độ lao động của nhân viên nấu ăn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo cải tạo, xây dựng bếp ăn đạt chuẩn theo quy định. Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chăm sóc nuôi dưỡng tiếp tục duy trì thực hiện tốt về quy trình bếp một chiều đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phát huy hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hiện có; lập kế hoạch, lộ trình, kinh phí thực hiện mua sắm bổ sung máy móc, thiết bị nhà bếp hiện đại như máy xay thịt, máy ép tắc, máy trộn thực phẩm để giảm tải cường độ làm việc, lao động của nhân viên nấu ăn.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi***

Mức 1:

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

b) Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục, nhà trường còn đầu tư một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi học tập của trẻ như: các loại lắp ráp, các loại cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện, được giáo viên sưu tầm, sáng tạo, tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi [H3-3.5-02].

- c) Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản và có kế hoạch bảo quản,

sửa chữa, bổ sung, nâng cấp các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: phần mềm MindjetMindManager 8.0, phần mềm quản lý tài sản [H3-3.5-04]. Các lớp sử dụng máy tính cho trẻ hoạt động thông qua các trò chơi học tập [H3-3.5-05].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.5-06].

c) Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 phù hợp như: các loại đồ chơi lắp ráp, các khối và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở (trò chơi bé làm nhạc công, đi trên gáo dừa, ném vòng vào cổ chai,...) nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.5-07].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa có độ bền cao.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đầu tư đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định, đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định đảm bảo tính an toàn, phù hợp với trẻ, sử dụng có hiệu quả trong chăm sóc giáo dục trẻ. Hằng năm nhà trường có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để đáp ứng yêu cầu

đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

### **3. Điểm yếu**

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa có độ bền và đạt tính thẩm mỹ cao.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng căn cứ vào tình hình thực tế có kế hoạch sửa chữa mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn cho giáo viên kỹ năng thực hành làm đồ chơi bằng nguyên vật liệu mở. Trong các hội thi làm đồ dùng, đồ chơi sáng tạo nhà trường sẽ đề ra các tiêu chí cụ thể về đảm bảo an toàn, có độ bền cao, phù hợp độ tuổi, đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

#### ***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

##### ***Mức 1:***

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

##### ***Mức 2:***

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1:

a) Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh cho trẻ, có đủ bồn tiểu, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính, có bồn rửa tay cho trẻ, có nhà vệ sinh riêng cho giáo viên; có 02 khu nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng. Trường không có trẻ khuyết tật [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

b) Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-03]. Sử dụng nguồn nước máy để chế biến thức ăn, sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân. Có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn, trẻ được uống nước tinh khiết Aqua Star của công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Sài Gòn Star có giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.6-04].

c) Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vận tải Môi trường Huỳnh Hải, huyện Hóc Môn. Hằng ngày được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-05]. Trường có thùng chứa và phân loại rác thải, khu vực trước và sau sân trường, các lớp có thùng chứa rác thải, khu vực thu gom rác có trang bị nhiều thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ [H3-3.6-06].

### Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung thuận tiện cho việc sử dụng, giúp giáo viên dễ quan sát. Nhà vệ sinh trẻ có diện tích là 30 m<sup>2</sup>, có vách ngăn giữa các bồn vệ sinh, được trang bị đầy đủ các thiết bị vệ sinh phù hợp với lứa tuổi, có khu vực riêng cho bé trai và bé gái. Khu nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có diện tích 12 m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ các trang thiết bị vệ sinh, tạo sự thuận tiện trong sinh hoạt [H3-3.6-01]. Tuy nhiên, nhà vệ sinh các lớp xây dựng trên 08 năm nên một số thiết bị cũng đã hư hỏng.

b) Nhà trường có hệ thống cung cấp nước sạch cho trẻ, giáo viên, nhân viên sử dụng trong sinh hoạt, trong chế biến thức ăn; sử dụng nước uống của công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Sài Gòn Star; hằng năm, bộ phận y tế tiến hành xét nghiệm mẫu nước và được xác nhận nguồn nước đảm bảo an toàn đúng theo yêu cầu quy định [H3-3.6-04]; hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt không bị ứ đọng; có hệ thống thoát nước dành riêng cho khu vực nhà bếp, vệ sinh; Nhà trường bố trí đầy đủ các thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời, nhà trường hợp đồng với cơ sở thu gom và xử lý rác đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-03]; [H3-3.6-05].

## **2. Điểm mạnh**

Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn sạch sẽ, khô thoáng, không ô nhiễm môi trường, có phân chia nam nữ riêng biệt, có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà trường sử dụng nguồn nước giếng khoan và nguồn nước sạch phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày và hợp đồng mua nước khoáng đóng bình Aqua Star để uống; hợp đồng với công ty thu gom rác và xử lý chất thải để thu gom rác hàng ngày để đảm bảo vệ sinh môi trường.

## **3. Điểm yếu**

Nhà vệ sinh các lớp xây dựng trên 08 năm nên một số thiết bị cũng đã hư hỏng.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì việc đảm bảo tốt các khu vệ sinh cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; Duy trì việc sử dụng nguồn nước sạch cũng như đảm bảo tốt việc thu gom rác đúng quy định. Nhà trường lập kế hoạch tham mưu đề xuất thay thế các thiết bị vệ sinh đã hư, cũ trong nhà vệ sinh của các lớp đảm bảo đáp ứng nhu cầu chăm sóc vệ sinh trẻ tốt hơn.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 3:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Trường có khuôn viên đất rộng, được xây dựng kiên cố, có biển tên trường và tường rào bao xung quanh, đảm bảo an toàn. Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định. Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Nhà trường có đủ các phòng sinh hoạt chung tương ứng với số nhóm, lớp, được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt; có đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị được sắp xếp gọn gàng, hợp lý, sạch sẽ thuận tiện chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường có đủ các phòng làm việc, đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc.

Nhà bếp được xây dựng kiên cố, thông thoáng, trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ bếp ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, các khu vực được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Nhà trường đầu tư đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định, đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các thiết bị đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định đảm bảo tính an toàn, phù hợp với trẻ, sử dụng có hiệu quả trong chăm sóc giáo dục trẻ. Hằng năm nhà trường có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn sạch sẽ, khô thoáng, không ô nhiễm môi trường, có phân chia nam nữ riêng biệt. Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, sử dụng hệ thống nước giếng khoan và nguồn nước sạch phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày và hợp đồng mua

nước khoáng đóng bình Aqua Star để uống; hợp đồng với công ty thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường đảm bảo rác được thu gom hằng ngày

**Điểm yếu cơ bản:**

Khu vực vận động chưa phân chia theo khu phù hợp với độ tuổi.

Diện tích khu vực vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập, hoạt động trải nghiệm còn nhỏ so với sĩ số 354 trẻ.

Các thiết bị, đồ chơi ngoài trời chưa phong phú và đa dạng.

Trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

Hệ thống máy vi tính của khối phòng hành chính quản trị đã cũ và xuống cấp nên chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị tài chính, tài sản.

Bếp ăn nhà trường chưa có nhiều các thiết bị nhà bếp hiện đại như máy ép tắc, máy trộn thực phẩm, xe chuyển nồi thức ăn để giảm tải cường độ lao động của nhân viên nấu ăn.

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa có độ bền và đạt tính thẩm mỹ cao.

Nhà vệ sinh các lớp xây dựng trên 08 năm nên một số thiết bị cũng đã hư hỏng.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.**

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Trong các năm qua, trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất xây dựng nhà trường ngày càng khang trang và hiện đại. Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường được thành lập và hoạt động Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ trẻ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011; luôn chủ động phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục,

góp phần quan trọng trong công tác nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

*Mức 1:*

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

*Mức 2:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

*Mức 3:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Đầu mỗi năm học, cán bộ quản lý và giáo viên tại các lớp chủ động phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức các cuộc họp cha mẹ trẻ và tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ trẻ để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm 24 thành viên đại diện cho 12 lớp. Trong Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường cử ra 03 thành viên gồm: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 thư ký. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường hoạt động theo đúng chức năng quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo[H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động theo từng năm học, thực hiện tốt lịch sinh hoạt định kỳ ít nhất 02 lần/ năm học để cùng trao đổi, phối

hợp với nhà trường và giáo viên thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học, xây dựng nhà trường ngày càng hoàn thiện hơn [H4-4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm học. Mỗi năm, nhà trường tổ chức họp cha mẹ trẻ của trường, lớp thường kỳ 3 lần: Đầu năm học, giữa năm học, cuối năm học để triển khai kế hoạch hoạt động của nhà trường, đánh giá kết quả hoạt động; Phối hợp với cha mẹ trẻ có biện pháp trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường. Nhà trường cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh giải quyết các kiến nghị của cha mẹ trẻ, góp ý kiến để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong tham gia xây dựng nhà trường [H4-4.1-02].

#### Mức 2:

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tạo môi trường an toàn cho trẻ hoạt động, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, tham gia trong các hoạt động lễ hội như: tết Trung thu, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, lễ hội mùa xuân, lễ giỗ Tổ Hùng Vương, tổng kết năm học. Bên cạnh đó, Ban đại diện cha mẹ trẻ cùng với nhà trường hướng dẫn, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục như: cách nuôi dạy con khỏe, chống bạo hành trẻ em, quyền trẻ em thông qua các cuộc họp, lễ hội, bảng tin trường nhằm nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

#### Mức 3:

Trong nhiều năm qua, Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo kế hoạch đề ra, phối hợp với nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: phối hợp với hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em nhằm nâng cao trách nhiệm hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tuy

nhiên, còn 35% cha mẹ trẻ em bận công tác nên chưa có nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động của nhà trường [H4-4.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có Ban Đại diện cha mẹ học sinh hoạt động đúng theo điều lệ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

## **3. Điểm yếu**

Còn 35% cha mẹ trẻ em bận công tác nên chưa thu xếp được thời gian tham gia vào nhiều các hoạt động của nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề để tuyên truyền đến cha mẹ trẻ em những kiến thức khoa học về chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và cha mẹ trẻ em, tăng cường nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để tạo sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh trong hoạt động của nhà trường.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

*Mức 2:*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

*Mức 3:*

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Hằng năm, Hiệu trưởng tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã An Phú trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01]; nhà trường ký kết quy chế phối hợp với công an xã An Phú nhằm đảm bảo an ninh trường học [H4-4.2-02].

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp, group zalo nhóm lớp, Website của nhà trường về các chế độ chính sách như: giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ hộ nghèo, cận nghèo [H4-4.1-03]; [H4-4.2-03].

c) Trường phối hợp với chính quyền địa phương không để tình trạng mua bán gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường [H4-4.2-02]; phối hợp với Trạm y tế xã An Phú tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng cơ bản để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H4-4.2-04]. Nhà trường huy

động nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương phục vụ cho các hoạt động giảng dạy tại lớp.

Mức 2:

a) Năm học 2023 - 2024, nhà trường đã chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện về cơ sở vật chất, mua sắm, bổ sung trang thiết bị, cải tạo môi trường cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục và Chuẩn Quốc gia theo kế hoạch [H4-4.2-05].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch năm học phù hợp với truyền thống của địa phương qua hoạt động “Bé vui trung thu”; “Bé vui đón xuân”; “Lễ hội 22/12” phù hợp theo điều kiện, tình hình thực tế tại trường, lớp [H4-4.2-06].

Mức 3:

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể cá nhân ở địa phương để xây dựng nhà trường xanh - sạch - đẹp - an toàn. Có quy chế phối hợp lực lượng công an giữ gìn an ninh trật tự. Quy chế phối hợp ba môi trường giáo dục để chăm sóc giáo dục trẻ [H4-4.2-07]. Tuy nhiên, trường chưa đạt mục tiêu xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa đạt mục tiêu xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy

động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có Ban Đại diện cha mẹ học sinh hoạt động đúng theo điều lệ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

#### **Điểm yếu cơ bản:**

Còn 35% cha mẹ trẻ em bận công tác nên chưa thu xếp được thời gian tham gia vào nhiều các hoạt động của nhà trường.

Nhà trường chưa đạt mục tiêu xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02**

#### **Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ**

#### **Mở đầu:**

Công tác chăm sóc, giáo dục luôn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong trường mầm non. Chính vì vậy, trường Mầm non An Phú thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Bộ chuẩn phát triển trẻ

5 tuổi và theo chỉ đạo của ngành. Giáo viên của trường biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, tổ chức hình thức giáo dục đa dạng nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ. Giáo viên còn hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ có hành vi, thói quen tốt, tự tin, chủ động, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn, đáp ứng được mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực một cách thường xuyên, đảm bảo tính khách quan để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc.

### ***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

#### ***Mức 1:***

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

#### ***Mức 2:***

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

#### ***Mức 3:***

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường, phù hợp với các quy định của văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục mầm non, với chỉ đạo chuyên môn của ngành [H1-1.8-01].

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, căn cứ mức độ nhận thức, phát triển của trẻ và điều kiện của nhóm lớp, 100% giáo viên quan tâm phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục mầm non, đảm bảo phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường [H1-1.8-01].

c) Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra, dự giờ, góp ý giáo viên về việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, giúp giáo viên phát huy những mặt mạnh và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ ở từng lứa tuổi [H1-1.8-03].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ đúng theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Trong quá trình giảng dạy, đội ngũ giáo viên linh hoạt trong phương pháp, sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy giúp trẻ hứng thú tích cực tham gia học tập, phát triển toàn diện các lĩnh vực theo từng độ tuổi. Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường đảm bảo về chất lượng đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành học [H1-1.8-02].

b) Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non dựa trên chương trình khung do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, trên cơ sở lồng ghép linh hoạt các nội dung giáo dục có liên quan đến truyền thống văn hóa địa phương, vùng, miền vào kế hoạch giáo dục sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường, đáp ứng khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ [H1-1.8-02].

### Mức 3:

a) Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04].

b) Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tổ chức thực hiện tốt và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và

Đào tạo ban hành theo đúng kế hoạch đề ra; chỉ đạo giáo viên lồng ghép các yếu tố có liên quan đến văn hóa của địa phương, vùng, miền vào thực hiện chương trình giáo dục phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội. Hiệu trưởng chỉ đạo cho hội đồng chuyên môn nghiên cứu, giới thiệu đến giáo viên các trang thông tin, tài liệu giáo dục mầm non của các nước tiên tiến trong khu vực để tham khảo, học tập phát triển chương trình, đổi mới nội dung, phương pháp, phương tiện trong hoạt động giảng dạy, giáo dục phù hợp với điều kiện của trường và địa phương; tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi tổ chức, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình, vận dụng phát triển Chương trình Giáo dục mầm non tại cơ sở.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

##### ***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ***

###### ***Mức 1:***

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

###### ***Mức 2:***

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

###### ***Mức 3:***

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1:

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.8-02].

b) Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp như: hoạt động có chủ định của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, dã ngoại, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp - nhóm - cá nhân [H5-5.2-01].

### Mức 2:

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế. Các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu. Giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01]. Tuy nhiên, khi tổ chức các hoạt động khám phá, giáo viên còn nóng vội, chưa dành nhiều thời gian cho trẻ khám phá, trải nghiệm.

### Mức 3:

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

Trong lớp học có đủ các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, mảng tường của lớp có các trò chơi cho trẻ hoạt động. Ngoài lớp học có bố trí đồ chơi ngoài trời, khu chơi vận động, khu vực trồng rau, vườn hoa, khu chơi cát, chơi nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02];[H1-1.8-02].

## **2. Điểm mạnh**

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

## **3. Điểm yếu**

Khi tổ chức các hoạt động khám phá, giáo viên còn nóng vội, chưa dành nhiều thời gian cho trẻ khám phá, trải nghiệm. Môi trường lớp học chưa sử dụng nhiều các sản phẩm của trẻ để trang trí, chưa tận dụng các cơ hội cho trẻ được thực hành tạo sản phẩm. Môi trường chữ lớp mẫu giáo 5-6 tuổi chưa đa dạng các kiểu chữ in, chữ viết thường cho trẻ được làm quen.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, tăng cường các hoạt động khám phá, trải nghiệm vào kế hoạch giáo dục của lớp nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, rút kinh nghiệm trong việc dành nhiều thời gian, chọn lọc nhiều nguồn đề tài phong phú đa dạng cho trẻ khám phá, thử nghiệm. Hiệu trưởng chỉ đạo cho phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, tổ trưởng chuyên môn tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, hướng dẫn cho giáo viên về kỹ năng thiết kế xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ, trong đó chú trọng tăng cường tạo cơ hội cho trẻ được thực hành tạo sản phẩm, sử dụng nhiều các sản phẩm của trẻ để trang trí môi trường lớp học; hướng dẫn giáo viên mẫu giáo 5-6 tuổi sử dụng đa dạng các kiểu

chữ, nhất là kiểu chữ viết thường trong môi trường lớp học để trẻ có điều kiện, cơ hội làm quen nhiều với chữ viết.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe***

#### ***Mức 1:***

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

#### ***Mức 2:***

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

#### ***Mức 3:***

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

a) Hằng năm, Nhà trường phối hợp với trạm y tế xã An Phú, Trung tâm y tế huyện Củ Chi, Bệnh viện huyện Củ Chi tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: khám sức khỏe trẻ định kỳ 2 lần/ năm, phối hợp hoạt động phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền các bệnh theo mùa. Qua đó, nhà trường phối hợp với phụ huynh theo dõi việc điều trị của các bé ở nhà [H5-5.3-03].

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, cân nặng, đo chiều cao và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng trong sổ theo dõi sức khỏe trẻ theo quy định [H5-5.3-02].

c) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp cụ thể phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì như: thường xuyên tổ chức cho trẻ ăn thêm bữa phụ để bổ sung thêm dinh dưỡng cho trẻ; có kế hoạch tăng cường vận động, tăng cường nhiều chất xơ trong bữa ăn của trẻ thừa cân, béo phì; phối hợp cùng cha mẹ trẻ trong chăm sóc trẻ để giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì tại trường [H5-5.3-01]. Trong 05 năm học qua, 100% trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ [H1-1.2-04].

| <b>Năm học</b>   | <b>Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân</b> |          |        | <b>Trẻ suy dinh dưỡng thấp còi</b> |          |        | <b>Trẻ thừa cân, béo phì</b> |          |        |
|------------------|-----------------------------------|----------|--------|------------------------------------|----------|--------|------------------------------|----------|--------|
|                  | Đầu vào                           | Phục hồi | Đầu ra | Đầu vào                            | Phục hồi | Đầu ra | Đầu vào                      | Phục hồi | Đầu ra |
| <b>2018-2019</b> | 07                                | 07       | 00     | 00                                 | 00       | 00     | 28                           | 20       | 08     |
| <b>2019-2020</b> | 06                                | 06       | 00     | 04                                 | 03       | 01     | 38                           | 23       | 15     |
| <b>2020-2021</b> | 01                                | 01       | 00     | 03                                 | 01       | 02     | 37                           | 24       | 13     |
| <b>2021-2022</b> | 04                                | 04       | 00     | 01                                 | 01       | 00     | 27                           | 05       | 22     |
| <b>2022-2023</b> | 05                                | 05       | 00     | 00                                 | 00       | 00     | 39                           | 25       | 14     |

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tình

thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng thừa cân, béo phì [H5-5.3-01]; [H5-5.3-03]. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú, hấp dẫn nên chưa thu hút nhiều cha mẹ trẻ tham gia.

b) Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ bằng phần mềm dinh dưỡng Vietec, đảm bảo cân đối theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non. Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa. Các thực đơn trong tuần không trùng lặp nhau, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn yaourt, bánh flan [H5-5.3-04].

c) Trường tổ chức cân đo cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì hàng tháng và báo kết quả cân đo cho phụ huynh, đồng thời trao đổi thông tin của trẻ đến phụ huynh nhằm có biện pháp hợp lý cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ trong việc chọn sữa phù hợp thể trạng và thời gian bổ sung sữa hợp lý trong ngày cho trẻ. Tính đến tháng 12/2023, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học: số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 35/354, đầu ra là 30/354, phục hồi 09/25 tỷ lệ 25,71 %. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 09/354, đầu ra là 04/354, phục hồi 05/09 đạt tỷ lệ 55,55 %. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 00/354 trẻ [H5-5.3-03].

Mức 3:

100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp [H5-5.3-03]. Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ thừa cân-béo phì được cải thiện tình trạng dinh dưỡng, được phục hồi còn thấp.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với Trạm Y tế xã để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ; đảm bảo cân đối nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định; ứng dụng phần mềm dinh dưỡng Vietec trong việc tính khẩu phần dinh

dưỡng cho trẻ. Tăng cường lượng vận động và chế độ dinh dưỡng cho trẻ để giảm tỷ lệ trẻ có thể trạng đặc biệt so với đầu năm.

### **3. Điểm yếu**

Hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú, hấp dẫn nên chưa thu hút nhiều cha mẹ trẻ tham gia. Tỷ lệ trẻ thừa cân - béo phì được cải thiện tình trạng dinh dưỡng, được phục hồi đạt chưa cao.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả công tác phối hợp với Trạm Y tế xã để chăm sóc sức khỏe cho trẻ; đảm bảo cân đối khẩu phần dinh dưỡng phù hợp với độ tuổi. Tăng cường hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng, hấp dẫn để cha mẹ trẻ quan tâm hơn về những nội dung như chế độ ăn của trẻ, thực đơn, phòng chống dịch bệnh theo mùa, chế độ dinh dưỡng cho trẻ và các loại bệnh phổ biến; từ đó phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; thống nhất giữa nhà trường – gia đình trong việc phối hợp thực hiện các biện pháp về cân đối khẩu phần dinh dưỡng, tăng cường vận động cho trẻ thừa cân – béo phì để nâng cao tỷ lệ phục hồi cho trẻ.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

#### ***Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục***

##### ***Mức 1:***

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

**Mức 2:**

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

**Mức 3:**

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

**1. Mô tả hiện trạng****Mức 1:**

a) Nhà trường thực hiện vận động trẻ ra lớp và đạt tỷ lệ chuyên cần các độ tuổi theo từng năm học như sau [H5-5.4-01].

| <b>Năm học</b>            | <b>Trẻ 3-4 tuổi</b> | <b>Trẻ 4-5 tuổi</b> | <b>Trẻ 5-6 tuổi</b> |
|---------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| <b>2018-2019</b>          | 90,35%              | 94.92%              | 94.75%              |
| <b>2019-2020</b>          | 90,33%              | 95.51%              | 94.97%              |
| <b>2020-2021</b>          | 90.18%              | 95.46%              | 95.14%              |
| <b>2021-2022</b>          | 91.93%              | 95.44%              | 95.64%              |
| <b>2022-2023</b>          | 93,37%              | 95.04%              | 94.92%              |
| <b>Bình quân đạt được</b> | 91.23%              | 95.27%              | 95.08%              |

b) Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi, thực hiện việc tuyên truyền Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi đến cha mẹ trẻ trong cuộc họp đầu năm học và bảng tin của trường; giáo viên xây dựng kế hoạch tuyên truyền cho phụ huynh theo từng tháng phù hợp với kế hoạch giáo dục, đặc điểm tình hình của lớp; Nhà trường có số liệu trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% và được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

| Năm học          | Số 5 tuổi | 5 tuổi hoàn thành chương trình |       |
|------------------|-----------|--------------------------------|-------|
|                  |           | Số lượng                       | Tỷ lệ |
| <b>2018-2019</b> | 168       | 168                            | 100 % |
| <b>2019-2020</b> | 178       | 178                            | 100 % |
| <b>2020-2021</b> | 187       | 187                            | 100 % |
| <b>2021-2022</b> | 143       | 143                            | 100 % |
| <b>2022-2023</b> | 184       | 184                            | 100 % |

c) Trường hiện không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-04].

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 95%; trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 90% [H5-5.4-03]. Tuy nhiên, do trẻ lớp 3-4 tuổi còn nhỏ, mới đi học, chưa quen với chế độ sinh hoạt ở trường, sức đề kháng yếu nên thường xuyên nghỉ học, vì vậy tỷ lệ chuyên cần chưa cao [H5-5.4-01]; [H5-5.4-03].

b) Hằng năm, 100% trẻ 5 tuổi tại trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

| Năm học          | Số 5 tuổi | 5 tuổi hoàn thành chương trình |       |
|------------------|-----------|--------------------------------|-------|
|                  |           | Số lượng                       | Tỷ lệ |
| <b>2018-2019</b> | 168       | 168                            | 100 % |
| <b>2019-2020</b> | 178       | 178                            | 100 % |
| <b>2020-2021</b> | 187       | 187                            | 100 % |
| <b>2021-2022</b> | 143       | 143                            | 100 % |
| <b>2022-2023</b> | 184       | 184                            | 100 % |

c) Trong những năm qua nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-04].

Mức 3:

a) Hằng năm, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

| Năm học          | Số 5 tuổi | 5 tuổi hoàn thành chương trình |       |
|------------------|-----------|--------------------------------|-------|
|                  |           | Số lượng                       | Tỷ lệ |
| <b>2018-2019</b> | 168       | 168                            | 100 % |
| <b>2019-2020</b> | 178       | 178                            | 100 % |
| <b>2020-2021</b> | 187       | 187                            | 100 % |
| <b>2021-2022</b> | 143       | 143                            | 100 % |
| <b>2022-2023</b> | 184       | 184                            | 100 % |

b) Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập nên không thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.1-04].

## 2. Điểm mạnh

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi hằng năm đều đạt trên 95%. Bên cạnh đó, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

## 3. Điểm yếu

Trẻ lớp 3-4 tuổi mới đi học, chưa quen với chế độ sinh hoạt ở trường, sức đề kháng yếu nên thường xuyên nghỉ học nên tỷ lệ chuyên cần chưa cao.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể trong xã và cha mẹ trẻ thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, giúp phụ huynh có thông tin kiến thức về Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ; tiếp nhận trường hợp trẻ khuyết tật học hòa nhập khi có nhu cầu của cha mẹ trẻ. Tăng cường các

biện pháp trong chăm sóc, giáo dục giúp trẻ 3-4 tuổi nhanh chóng thích nghi với chế độ sinh hoạt tại trường, khuyến khích trẻ đi học chuyên cần hơn.

**5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với Trạm Y tế xã để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ; đảm bảo cân đối nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định; ứng dụng phần mềm dinh dưỡng Vietec trong việc tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ.

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi hằng năm đều đạt trên 95%. Bên cạnh đó, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

**Điểm yếu cơ bản:**

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Khi tổ chức các hoạt động khám phá, giáo viên còn nóng vội, chưa dành nhiều thời gian cho trẻ khám phá, trải nghiệm. Môi trường lớp học chưa sử dụng nhiều các sản phẩm của trẻ để trang trí, chưa tận dụng các cơ hội cho trẻ được thực hành tạo sản phẩm. Môi trường chữ lớp mẫu giáo 5-6 tuổi chưa đa dạng các kiểu chữ in, chữ viết thường cho trẻ được làm quen.

Hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú, hấp dẫn nên chưa thu hút nhiều cha mẹ trẻ tham gia. Tỷ lệ trẻ thừa cân-béo phì được cải thiện tình trạng dinh dưỡng, được phục hồi đạt chưa cao.

Trẻ lớp 3-4 tuổi mới đi học, chưa quen với chế độ sinh hoạt ở trường, sức đề kháng yếu nên thường xuyên nghỉ học nên tỷ lệ chuyên cần chưa cao.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04**

Trường Mầm non An Phú đã thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đã đối chiếu 05 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí, 75 chỉ báo theo quy định, với các thành quả về hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường đã đạt được trong 5 năm học vừa qua với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non, trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 25/25                      tỷ lệ: 100 %.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25                tỷ lệ: 00 %.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 25/25                      tỷ lệ: 100 %.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 00/25                tỷ lệ: 00 %.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 06/19                     tỷ lệ: 31,58 %.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 13/19                tỷ lệ: 68,42 %.
- Mức đánh giá của Trường Mầm non An Phú: Mức 2.
- Trường Mầm non An Phú đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục của trường Mầm Non An Phú về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự quan tâm, hướng dẫn của các cấp lãnh đạo, đoàn thể chính quyền địa phương đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế để nhà trường ngày càng tốt và hoàn thiện hơn./.

*Củ Chi, ngày 26 tháng 04 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**  
(đã ký)

**Lê Kim Tuyền**

**Phần IV.**  
**PHỤ LỤC: Bảng danh mục mã minh chứng.**

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                                     | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 1.1</b> | 1         | [H1-1.1-01]          | Kế hoạch Chiến lược phát triển của trường mầm non được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và đào tạo phê duyệt. | Giai đoạn 2021-2026                                                              | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 2         | [H1-1.1-02]          | Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã An Phú nhiệm kỳ 2020 – 2025.                                                       | Nhiệm kỳ 2020-2025                                                               | Đảng ủy xã                                       | Hiệu trưởng                  |
|                     | 3         | [H1-1.1-03]          | Hình ảnh niêm yết kế hoạch Chiến lược phát triển của trường mầm non.                                                      | Giai đoạn 2021-2026                                                              | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 4         | [H1-1.1-04]          | Kế hoạch năm học.                                                                                                         | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 5         | [H1-1.1-05]          | Sổ họp Hội đồng sư phạm.                                                                                                  | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 6         | [H1-1.1.06]          | Kế hoạch rà soát, bổ sung Chiến lược phát triển của trường mầm non.                                                       | Giai đoạn 2020-2025                                                              | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
| <b>Tiêu chí 1.2</b> | 1         | [H1-1.2-01]          | Quyết định thành lập Hội đồng trường.                                                                                     | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi                     | Văn thư                      |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                                                                                                                                                    | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b>   |
|---------------------|-----------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------|
|                     | 2         | [H1-1.2-02]          | -Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng<br>-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.<br>-Quyết định thành lập Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm.<br>-Quyết định thành lập Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                        |
|                     | 3         | [H1-1.2-03]          | Hồ sơ các hội đồng:<br>- Hội đồng trường<br>- Hồ sơ thi đua<br>- Tuyển sinh<br>- Chấm sáng kiến kinh nghiệm.                                                                                                                             | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng<br>Phó hiệu trưởng |
|                     | 4         | [H1-1.2-04]          | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.                                                                                                                                                                                                        | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Phó hiệu trưởng                |
| <b>Tiêu chí 1.3</b> | 1         | [H1-1.3-01]          | Hồ sơ Công đoàn.                                                                                                                                                                                                                         | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Công đoàn Trường Mầm non An Phú                  | Công đoàn                      |
|                     | 2         | [H1-1.3-02]          | Hồ sơ Đoàn thanh niên.                                                                                                                                                                                                                   | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Chi đoàn Trường Mầm non An Phú                   | Chi đoàn                       |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                           | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     | 3         | [H1-1.3-03]          | Hồ sơ Hội chữ thập đỏ.                                                                          | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Chi hội Chữ thập đỏ Trường Mầm non An Phú        | Hiệu trưởng                  |
|                     | 4         | [H1-1.3-04]          | Hồ sơ Chi bộ.                                                                                   | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Chi bộ Trường Mầm non An Phú                     | Bí thư chi bộ                |
|                     | 5         | [H1-1.3-05]          | Hồ sơ Hội khuyến học.                                                                           | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hội Khuyến học Mầm non An Phú                    | Hiệu trưởng                  |
| <b>Tiêu chí 1.4</b> | 1         | [H1-1.4-01]          | -Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng.<br>-Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng phụ trách nuôi dưỡng. | QĐ số 1661/QĐ-UBND ngày 05/03/2020<br>QĐ số 8280/QĐ-GDDT ngày 14/7/2023.         | Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi                     | Văn thư                      |
|                     | 2         | [H1-1.4-02]          | Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng.                                         | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Văn thư                      |
|                     | 3         | [H1-1.4-03]          | Kế hoạch năm của các tổ.                                                                        | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Tổ trưởng chuyên môn                             | Tổ trưởng chuyên môn         |
|                     | 4         | [H1-1.4-04]          | Hồ sơ sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ văn phòng.                                                    | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn              | Các tổ trưởng                |
|                     | 5         | [H1-1.4-05]          | Hồ sơ thực hiện chuyên đề cấp huyện cấp trường.                                                 | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                    | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 1.5</b> | 1         | [H1-1.5-01]          | Hồ sơ quản lý trẻ.                                                       | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Giáo viên                    |
| <b>Tiêu chí 1.6</b> | 1         | [H1-1.6-01]          | Hồ sơ quản lý nhân sự.                                                   | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 2         | [H1-1.6-02]          | Hồ sơ quy hoạch, bổ nhiệm Cán bộ quản lý                                 | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 3         | [H1-1.6-03]          | Hồ sơ kiểm tra nội bộ.                                                   | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 4         | [H1-1.6-04]          | Sổ công văn đi, đến.                                                     | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Văn thư                                          | Văn thư                      |
|                     | 5         | [H1-1.6-05]          | Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất.                        | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Kế toán                                          | Phòng kế toán                |
|                     | 6         | [H1-1.6-06]          | Hồ sơ dự toán, thu chi, quyết toán tài chính                             | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Kế toán                                          | Phòng kế toán                |
|                     | 7         | [H1-1.6-07]          | Hồ sơ công khai và biên bản kiểm tra tài chính, tài sản.                 | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Kế toán                                          | Phòng kế toán                |
|                     | 8         | [H1-1.6-08]          | Quy chế chi tiêu nội bộ.                                                 | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 9         | [H1-1.6-09]          | Các phần mềm quản lý hành chính:<br>- Phần mềm quản lý cán bộ công chức. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Kế toán<br>Phó hiệu trưởng                       | Kế toán<br>Phó hiệu trưởng   |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                                                                                                 | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     |           |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần mềm EPMIS</li> <li>- Phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục</li> <li>- Phần mềm phổ cập giáo dục</li> </ul>                                  |                                                                                  |                                                  |                              |
|                     | 10        | [H1-1.6-10]          | Các phần mềm quản lý tài chính, tài sản:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần mềm quản lý tài sản</li> <li>- Phần mềm kế toán IMAS</li> <li>- Phần mềm Viettec</li> </ul> | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Kế toán                                          | Phòng kế toán                |
| <b>Tiêu chí 1.7</b> | 1         | [H1-1.7-01]          | Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của trường.                                                                                                                                                | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H1-1.7-02]          | - Hồ sơ, Quyết định phân công Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.                                                                                                                   | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 3         | [H1-1.7-03]          | Hồ sơ Hội nghị cán bộ công chức.                                                                                                                                                      | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 4         | [H1-1.7-04]          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên.</li> <li>- Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên.</li> </ul>                                                         | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                                                         | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b>                 |
|---------------------|-----------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| <b>Tiêu chí 1.8</b> | 1         | [H1-1.8-01]          | Kế hoạch giáo dục của nhà trường.                                                                                                             | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó Hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng                              |
|                     | 2         | [H1-1.8-02]          | Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của giáo viên.                                                                               | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng<br>Giáo viên các lớp             | Phó hiệu trưởng<br>Giáo viên các lớp         |
|                     | 3         | [H1-1.8-03]          | Hồ sơ quản lý chuyên môn.                                                                                                                     | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng                              |
| <b>Tiêu chí 1.9</b> | 1         | [H1-1.9-01]          | - Quy chế dân chủ của nhà trường.<br>- Biên bản đối thoại định kỳ.                                                                            | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trường Mầm non An Phú                            | Chủ tịch công đoàn                           |
|                     | 2         | [H1-1.9-02]          | Hồ sơ tiếp công dân                                                                                                                           | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                                  |
|                     | 3         | [H1-1.9-03]          | - Hồ sơ của Ban thanh tra nhân dân.<br>- Hồ sơ giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.<br>- Báo cáo sơ kết, tổng kết của Ban thanh tra nhân dân. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Chủ tịch công đoàn<br>Ban thanh tra nhân dân |

| <b>Tiêu chí</b>      | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                                          | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b>                          |
|----------------------|-----------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|                      | 4         | [H1-1.9-04]          | Hồ sơ 03 công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.        | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                                           |
| <b>Tiêu chí 1.10</b> | 1         | [H1-1.10-01]         | - Quy chế phối hợp Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học trên địa bàn xã An Phú.<br>- Phương án đảm bảo an ninh trật tự. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trường Mầm non An Phú                            | Hiệu trưởng<br>Phó hiệu trưởng<br>chăm sóc nuôi dưỡng |
|                      | 2         | [H1-1.10-02]         | - Phương án vệ sinh an toàn thực phẩm                                                                                          | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Y tế                                             | Y tế                                                  |
|                      | 3         | [H1-1.10-03]         | Hồ sơ phòng cháy chữa cháy.<br>- Phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ.                                                      | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó Hiệu trưởng                                  | Phó Hiệu trưởng                                       |
|                      | 4         | [H1-1.10-04]         | - Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.                                                                          | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng                                       |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                                           | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     | 5         | [H1-1.10-05]         | - Phương án phòng, chống dịch bệnh .                                                                                            | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Y tế                                             | Y tế                         |
|                     | 6         | [H1-1.10-06]         | - Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.                                            | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 7         | [H1-1.10-07]         | - Quyết định thành lập bếp ăn tập thể.                                                                                          | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 8         | [H1-1.10-08]         | - Sổ trực của bảo vệ.<br>- Hình ảnh hộp thư của trường.<br>- Sổ tiếp công dân.                                                  | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trường Mầm non An Phú                            | Bảo vệ                       |
|                     | 9         | [H1-1.10-09]         | - Hình ảnh, nội dung bản tin tuyên truyền của trường.                                                                           | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trường Mầm non An Phú                            | Phó hiệu trưởng              |
| <b>Tiêu chí 2.1</b> | 1         | [H2-2.1-01]          | - Hồ sơ quản lý nhân sự của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Bảng cấp, sơ yếu lý lịch, quyết định, văn bằng chứng chỉ, giấy khen). | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trường Mầm non An Phú                            | Văn thư                      |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                           | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     | 2         | [H2-2.1-02]          | - Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng                        | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trường Mầm non An Phú                            | Hiệu trưởng                  |
|                     | 3         | [H2-2.1-03]          | Giấy chứng nhận bồi dưỡng cập nhật kiến thức quản lý.                                           | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trường Đại học Sư Phạm TPHCM                     | Hiệu trưởng                  |
| <b>Tiêu chí 2.2</b> | 1         | [H2-2.2-01]          | Bảng thống kê trình độ giáo viên                                                                | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trường Mầm non An Phú                            | Hiệu trưởng                  |
|                     | 2         | [H2-2.2-02]          | Bảng tổng hợp về đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trường Mầm non An Phú                            | Hiệu trưởng                  |
| <b>Tiêu chí 2.3</b> | 1         | [H2-2.3-01]          | Danh sách trích ngang cán bộ, giáo viên, nhân viên. Danh sách thống kê trình độ đội ngũ.        | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Văn thư                                          | Văn phòng                    |
|                     | 2         | [H2-2.3-02]          | Hồ sơ đánh giá cán bộ công chức, viên chức hằng năm.                                            | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 3         | [H2-2.3-03]          | Công văn, danh sách tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn của nhân viên.              | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                       | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 3.1</b> | 1         | [H3-3.1-01]          | Hồ sơ trường:<br>Bản vẽ tổng thể hiện trạng vị trí từng khu của nhà trường, khuôn viên đất. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trường Mầm non An Phú                            | Kế toán                      |
|                     | 2         | [H3-3.1-02]          | Hình ảnh biên tên trường, khuôn viên, các khu vực xung quanh tường rào.                     | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 3         | [H3-3.1-03]          | Hình ảnh các khu vui chơi ngoài trời.                                                       | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 4         | [H3-3.1-04]          | Hình ảnh chăm sóc vườn cây của bé.                                                          | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 5         | [H3-3.1-05]          | Hình ảnh đồ chơi ngoài trời.                                                                | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
| <b>Tiêu chí 3.2</b> | 1         | [H3-3.2-01]          | Hình ảnh các phòng học.                                                                     | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H3-3.2-02]          | Hình ảnh các phòng sinh hoạt chung và trang thiết bị.                                       | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 3         | [H3-3.2-03]          | Hình ảnh hệ thống đèn, quạt các phòng                                                       | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 4         | [H3-3.2-04]          | Hình ảnh các phòng âm nhạc và trang thiết bị                                                | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                          | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     | 5         | [H3-3.2-05]          | Hình ảnh phòng lưu trữ hồ sơ, tủ, kệ đựng hồ sơ các phòng ban. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Phòng âm nhạc                |
| <b>Tiêu chí 3.3</b> | 1         | [H3-3.3-01]          | Hình ảnh trang thiết bị các phòng ban.                         | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 2         | [H3-3.3-02]          | Hình ảnh trang thiết bị phòng y tế                             | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Y tế                                             | Y tế                         |
|                     | 3         | [H3-3.3-03]          | Hình ảnh nhà xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên.              | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Trưởng Mầm non An Phú                            | Hiệu trưởng                  |
| <b>Tiêu chí 3.4</b> | 1         | [H3-3.4-01]          | Hình ảnh nhà bếp.                                              | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H3-3.4-02]          | Hình ảnh đồ dùng, trang thiết bị trong nhà bếp.                | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 3         | [H3-3.4-03]          | Hình ảnh tủ lạnh lưu nghiệm thức ăn.                           | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 4         | [H3-3.4-04]          | Hình ảnh qui trình bếp 01 chiều.                               | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 5         | [H3-3.4-05]          | Hình ảnh các khu vực để thực phẩm.                             | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 6         | [H3-3.4-06]          | Hình ảnh hệ thống hút khói.                                    | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 7         | [H3-3.4-07]          | Hình ảnh các bảng biểu nhà bếp.                                | Năm học 2020-2021                                                                | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                                                 | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
|                     | 8         | [H3-3.4-08]          | Sổ kiểm tra thực phẩm 3 bước.                                                                                         | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
| <b>Tiêu chí 3.5</b> | 1         | [H3-3.5-01]          | -Danh mục các đồ dung đồ chơi các lớp theo quy định.<br>-Sổ tài sản các lớp.<br>-Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi trong lớp. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H3-3.5-02]          | Hình ảnh đồ dung, đồ chơi ngoài quy định; đồ chơi tự làm.                                                             | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 3         | [H3-3.5-03]          | Hồ sơ kiểm kê, sửa chữa, thanh lý tài sản.                                                                            | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Kế toán                                          | Phòng kế toán                |
|                     | 4         | [H3-3.5-04]          | Hình ảnh máy tính các phòng ban.                                                                                      | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 5         | [H3-3.5-05]          | Hình ảnh máy tính các lớp.                                                                                            | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 6         | [H3-3.5-06]          | Hình ảnh trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ.                                                                    | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 7         | [H3-3.5-07]          | Kế hoạch, hình ảnh bổ sung, thay thế đồ dung, đồ chơi ngoài danh mục.                                                 | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                   | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 3.6</b> | 1         | [H3-3.6-01]          | Hình ảnh nhà vệ sinh các lớp; nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H3-3.6-02]          | Hình ảnh nhà vệ sinh các phòng chức năng.                               | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 3         | [H3-3.6-03]          | Hình ảnh hệ thống thoát nước, cống rãnh.                                | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 4         | [H3-3.6-04]          | Phiếu xét nghiệm nước Hợp đồng nước uống .                              | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 5         | [H3-3.6-05]          | Hợp đồng thu gom rác thải.                                              | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 6         | [H3-3.6-06]          | Hình ảnh thùng rác ở hành lang các lớp.                                 | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
| <b>Tiêu chí 4.1</b> | 1         | [H4-4.1-01]          | Quyết định thành lập ban đại diện cha mẹ trẻ em.                        | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 2         | [H4-4.1-02]          | Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ em.                                       | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 3         | [H4-4.1-03]          | Hình ảnh Cha mẹ trẻ nghe báo cáo chuyên đề, tuyên truyền đến phụ huynh. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
| <b>Tiêu chí 4.2</b> | 1         | [H4-4.2-01]          | Hồ sơ phổ cập Giáo dục mầm non.                                         | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                      | Phòng hiệu trưởng            |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>    | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------|
|                     | 2         | [H4-4.2-02]          | Quy chế phối hợp với công an xã An Phú.                                              | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                         | Phòng hiệu trưởng            |
|                     | 3         | [H4-4.2-03]          | Hồ sơ giảm học phí trẻ hộ nghèo, cận nghèo.                                          | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Kế toán                                             | Phòng kế toán                |
|                     | 4         | [H4-4.2-04]          | Hồ sơ phối hợp tuyên truyền y tế.                                                    | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Nhân viên y tế                                      | Phòng y tế                   |
|                     | 5         | [H4-4.2-05]          | Văn bản đề xuất trang bị cơ sở vật chất, xây dựng, bổ sung sửa chữa xây dựng trường. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Hiệu trưởng                                         | Hiệu trưởng                  |
|                     | 6         | [H4-4.2-06]          | Kế hoạch hoạt động lễ hội, sự kiện.                                                  | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                     | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 7         | [H4-4.2-07]          | Quy chế phối hợp 03 môi trường.                                                      | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                     | Phó hiệu trưởng              |
| <b>Tiêu chí 5.1</b> | 1         | [H5-5.1-01]          | Hồ sơ kết quả đánh giá trẻ em.                                                       | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                     | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H5-5.1-02]          | -Bộ công cụ đánh giá trẻ 5 tuổi.<br>-Bảng tổng hợp đánh giá trẻ của các lớp.         | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng và giáo viên khối mẫu giáo 5-6 tuổi | Phó hiệu trưởng              |

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                                                                 | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|-----------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 5.2</b> | 1         | [H5-5.2-01]          | Hình ảnh tổ chức hoạt động khám phá, thử nghiệm, tham gia lễ hội của các lớp.         | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Tổ trưởng chuyên môn                             | Tổ trưởng chuyên môn         |
|                     | 2         | [H5-5.2-02]          | Hình ảnh tổ chức hoạt động vườn hoa, vườn rau của các lớp.                            | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Tổ trưởng chuyên môn                             | Tổ trưởng chuyên môn         |
| <b>Tiêu chí 5.3</b> | 1         | [H5-5.3-01]          | Hồ sơ y tế.                                                                           | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Nhân viên y tế                                   | Phòng y tế                   |
|                     | 2         | [H5-5.3-02]          | Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ em.                                                      | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Nhân viên y tế và giáo viên                      | Phòng y tế                   |
|                     | 3         | [H5-5.3-03]          | Hồ sơ phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì.                                 | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 4         | [H5-5.3-04]          | Sổ thực đơn.                                                                          | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
| <b>Tiêu chí 5.4</b> | 1         | [H5-5.4-01]          | Bảng tổng hợp chuyên cần của trẻ.                                                     | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng                                  | Phó hiệu trưởng              |
|                     | 2         | [H5-5.4-02]          | -Quyết định chứng nhận danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Văn thư                                          | Văn thư                      |

| <b>Tiêu chí</b> | <b>TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>  | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (Nơi lưu trữ)</b>      |
|-----------------|-----------|----------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|
|                 | 3         | [H5-5.4-03]          | Sổ điểm danh học sinh. | Năm học 2018-2019 đến 2022-2023                                                  | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục                | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục |